

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2020

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Ngày 20/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị Như H, tên thường gọi: N, sinh năm 1957; Trú tại: Số 02 Phan Đình G, tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1958; Trú tại: Số 33 đường H, tổ dân phố Y, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị Như H trình bày: Tôi và anh K tự nguyện chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn từ tháng 6/1987 tại khối Y, thị trấn B, huyện K (nay là tổ dân phố Y, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk). Chúng tôi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian, đến tháng 12/2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến, quan điểm, thường xuyên cãi vã với nhau, không có tiếng nói chung, đồng thời do tôi không có con dẫn tới vợ chồng thường hay cãi vã, xích mích lẫn nhau. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hơn nữa ông K đã có gia đình khác nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa tôi và anh K.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn K trình bày:* Tôi và chị H tự nguyện chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn từ tháng 6/1987 tại khối Y, thị trấn B, huyện K (nay là tổ dân phố Y, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk). Chúng tôi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu thì đến tháng 12/2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn như trình bày của bà H là đúng. Nay tình cảm vợ chồng không còn và tôi đã có gia đình khác nên tôi đồng ý với yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà H.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- *Về hôn nhân:* Bà H và ông K chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6 năm 1987 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp, bất đồng ý kiến, do không có con chung nên thường xuyên cãi vã, không còn tình cảm chung và hai bên đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông K đồng ý. Xét thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng đã quá lâu và cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân gần 10 năm, ông K đã lập gia đình với người khác, nên áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà H với ông K là vợ chồng.

[2]- *Về con chung:* Quá trình chung sống bà H và ông K không có con chung.

[3]- *Về tài sản chung:* Bà H và ông K, thỏa thuận phân chia không yêu cầu giải quyết đây là sự định đoạt của các bên nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 16, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]- *Về án phí:* Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 16; Điều 53; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của các bên.

-*Về hôn nhân:* Không công nhận bà Hà Thị Như H với ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

-*Về con chung:* Không có.

-*Về tài sản chung:* Các bên tự định đoạt không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

-*Về án phí:* Bà Hà Thị Như H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0004706 ngày 18/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Báo cho các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- UBND p.An Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

HOÀNG MINH CHÚC